

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 924/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thuần;
2. Bà Nguyễn Thị Quế Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thế Chung, cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 421/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 495/2022/QĐST-HN ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông N V B, sinh năm 1987; Địa chỉ: X đường Y, Khu phố C, phường T L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
2. *Bị đơn:* Bà H T L, sinh năm 1993; Địa chỉ: X đường Y, Khu phố C, phường T L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn ngày 16 tháng 4 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, bà H T L và ông N V B trình bày:

Bà H T L và ông N V B tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống chung từ năm 2015. Vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật tại phường T L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30/6/2015.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, không thể hòa giải tiếp tục chung sống với nhau được. Vì vậy, bà H T L và ông N V B đề nghị Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng bà H T L và ông N V B có 01 (một) người con chung tên N M T, sinh ngày 05/7/2015, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H T L và ông N V B xác nhận không có.

Nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H T L và ông N V B xác nhận không có. Ngoài ra, bà L và ông B không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Sau khi thụ lý vụ việc, Tòa án đã triệu tập bà H T L và ông N V B đến tòa án để tiến hành hòa giải đoàn tụ, bà H T L đã được tổng đạt hợp L nhưng không có mặt.

Ngày 18/3/2022, ông N V B nộp “Đơn xác định yêu cầu”:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N V B giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà H T L.

Về con chung: Có 01 (Một) người con chung tên N M T, sinh ngày 05/7/2015, ông B đề nghị giao trẻ Tâm cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét một trong hai đương sự có ý kiến thay đổi nội dung của vụ việc. Tòa án nhân dân Quận 12 thông báo chuyển vụ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 421/2021/TLST-HN, ngày 28/4/2021 thành vụ án hôn nhân gia đình 421/2021/TLST-HN, ngày 28/4/2021.

Việc thay đổi từ vụ việc thành vụ án cũng thay đổi tư cách tố tụng: ông N V B là nguyên đơn, bà H T L là bị đơn.

Tại phiên tòa ngày 30/6/2022, bị đơn, bà H T L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các Điều 227 và 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ việc và thời điểm thông báo chuyển vụ việc thành vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành tố tụng theo quy định. Ngoài ra, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng chấp hành

đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Đây là vụ kiện ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú, cư trú tại Quận 12 căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12.

[2] *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt hợp L Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự :*

Căn cứ vào các lời khai của đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà H T L và ông N V B tự nguyện kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường T L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2015. Như vậy, theo quy định tại Điều 5, 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân của H T L và ông N V B là hợp pháp.

Theo Phiếu xác minh của Tòa án ngày 05/4/2022 về tình trạng hôn nhân của bà H T L và ông N V B tại Hội liên hiệp Phụ nữ phường T L, Quận 12: “...Những mâu thuẫn giữa ông B và bà L đa số là bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung... Và ly hôn là do nguyện vọng cùng đồng thuận nên khả năng hàn gắn thấp...”.

3.2. Về con chung: Bà H T L và ông N V B xác nhận có 01 (Một) con chung tên N M T, sinh ngày 05/7/2015, hiện tại bà L đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Tâm. Ông B tự nguyện giao trẻ T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng.

Qua các chứng cứ do bà H T L và ông N V B cung cấp cũng như lời trình bày của nguyên đơn và xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường T L, Quận 12 có cơ sở xác định: Hiện bà H T L đang trực tiếp nuôi dưỡng trẻ N M T và có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Tâm. Ông N V B không tranh chấp quyền trực tiếp nuôi con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng. Xét thấy yêu cầu này là chính đáng và phù hợp, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ N M T cho bà H T L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông N V B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi trẻ Tâm đủ 18 tuổi.

3.3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) ông N V B phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 28, 35, 39, khoản 4 Điều 91, 92, 94, 147, 150, 179, 199, 200, 203, 208, 220, 227, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 71, 81, 82, 83, 84, 88, 89, 101, 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Tuyên:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N V B được ly hôn với bà H T L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 94/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân phường T L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2015 hết hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Có 01 (Một) con chung là N M T, sinh ngày 05/7/2015. Giao trẻ N M T cho bà H T L trực tiếp nuôi dưỡng. Ông N V B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) /tháng cho đến khi trẻ Tâm đủ 18 tuổi. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 28/7/2022.

Kể từ ngày bà H T L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông N V B không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông N V B còn phải chịu thêm tiền lãi

theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Vì quyền lợi mọi mặt của các con, không bên nào được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông N V B phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0106513 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, ông B phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 19 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tổ chức thi hành án theo các Điều 7, 30, 31 và 32 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp L hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND TP.HCM
- VKSND Q.12
- Chi Cục THADS Q.12
- Các đương sự
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

